TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07.10.2020
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST.HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21.9.2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Đội 1, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định
**** Bị đơn:*** Anh Hồ Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đội 1, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày*: Chị và anh T có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, cả hai kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng vào TP. H sinh sống và làm ăn, chị làm công nhân may còn anh T làm nghề cơ khí. Vợ chồng chung sống được khoảng vài tháng, khi chị mang thai đứa con lớn thì vợ chồng xây ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sau khi cưới vợ chồng mang vàng cưới vào TP. H do chị cất giữ, nhưng anh T bảo đưa anh cất giữ chứ sợ chị đi làm bị cướp giật. Chị tin tưởng chồng nên đưa anh T cất giữ, đến khi hỏi lại thì anh T bảo hết mà không nói rõ nguyên nhân. Thời gian sau này anh T đi làm thì

giữ tiền chứ không đưa chị nuôi con, con thường xuyên đau bệnh nên vợ chồng quyết định về quê chung sống vào năm 2008. Sau đó vợ chồng tiếp tục lên Gia Lai sinh sống nhưng anh T chơi cờ bạc, nợ nần, cầm xe nên chị quyết định dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ở Đồng Nai sinh sống một thời gian rồi về thị xã A thuê nhà sống vào năm 2013 và nộp đơn ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn. Nhưng sau đó anh T năn nỉ và chị phát hiện có thai nên đã rút đơn ly hôn và Tòa án đình chỉ vụ án. Sau khi rút đơn thì vợ chồng về sống tại nhà trọ ở phường Bình Định, đến khi chị sinh con thứ hai và sau ngày thôi nôi con thì vợ chồng về xã N sống tại nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng do anh T thường xuyên đi làm về muộn, thời gian này anh T thường đánh đập vợ con. Đến ngày 08.6.2020 thì anh T đi chơi về kiếm chuyện chửi bới đánh chị nên chị dẫn hai người con ra thuê nhà ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị kiên quyết yêu cầu yêu ly hôn với anh Hồ Văn T.

Về con chung: 02 con chung tên Hồ Nguyễn Quốc Đ (sinh ngày 13.7.2006) và Hồ Nguyễn Như Q (sinh ngày 09.9.2014), hiện hai người con đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hồ Văn T trình bày*: Vợ chồng cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, trước khi cưới vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại TP.H được vài năm, đến năm 2009 thì về nhà cha mẹ ruột ở xã N sinh sống. Vợ chồng chung sống không cùng suy nghĩ, tư tưởng, quan điểm nên mâu thuẫn nhau. Đến năm 2013 chị D nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn, vợ chồng quay lại chung sống và sinh con thứ hai. Khoảng tháng 5/2020, vợ chồng cãi nhau, anh có đánh vợ thì D làm đơn tố cáo lên công an xã N rồi sau đó bỏ qua nhà cô ruột của anh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh thống nhất ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm và không thể hàn gắn.

Về con chung: Có 02 người con tên Hồ Nguyễn Quốc Đ (sinh ngày 13.7.2006) và Hồ Nguyễn Như Q (sinh ngày 09.9.2014) hiện đang sống với chị D.

Ly hôn, anh yêu cầu nuôi hai người con, không đồng ý giao con cho chị D nuôi vì chị D không có chỗ ở ổn định, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐX:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Hồ Nguyễn Quốc Đ và Hồ Nguyễn Như Q cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Hồ Văn T ở Đội 1, thôn An Hòa, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Bị đơn anh Hồ Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh T có thời gian dài chung sống với nhau nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng mà cả hai không thể giải quyết nên chị D đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn vào năm 2014, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng vợ chồng chỉ chung sống trong một khoảng thời gian ngắn thì lại tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng hơn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng là anh T đánh chị D dẫn đến việc cả hai tự chấm dứt cuộc sống chung, sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình làm việc chị D, anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị D, anh T nhưng anh T đều vắng mặt do đó phiên họp hòa giải không thể tiến hành được. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị D, anh T thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T.

[4] Về con chung: Chị D, anh T xác định có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 13.7.2006 và Hồ Nguyễn Như Q, sinh ngày 09.9.2014 hiện đang ở với chị D. Chị D, anh T cùng có nguyện vọng yêu cầu nuôi hai người con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị D, anh T cùng với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị D hiện là công nhân làm việc tại Công ty TNHH Mountech đóng tại cụm công nghiệp phường Bình Định, có thu nhập hàng tháng và đang thuê nhà sinh sống ổn định cùng với hai con tại xã N, ngoài ra cháu Hồ Nguyễn Quốc Đ

có nguyện vọng tha thiết được ở với mẹ. Bản thân anh T không chứng minh được chị D không đủ điều kiện nuôi con, do đó để đảm bảo việc học cũng như môi trường sống của các cháu được ổn định nên giao hai người con Hồ Nguyễn Quốc Đ và Hồ Nguyễn Như Q cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T.

2/ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Hồ Nguyễn Quốc Đ (sinh ngày 13.7.2006) và Hồ Nguyễn Như Q (sinh ngày 09.9.2014) cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001314 ngày 17.7.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc

thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND xã N*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*